

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

Số: 19/2025/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Phúc Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2025/TLST – HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim D, sinh ngày 27/7/1994.

Cư trú tại: Thôn X, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh ngày 04/3/1991.

Cư trú tại: Thôn X, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Kim D và anh Nguyễn Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị Kim D và anh Nguyễn Đức T xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 28/02/2021 và cháu Nguyễn Bảo P,

sinh ngày 27/01/2019. Hiện nay cả hai con chung đều ở với chị D. Ly hôn chị D và anh T thống nhất: Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Nhật A và cháu Nguyễn Bảo P cho chị Trần Thị Kim D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh Trung cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật A và cháu Nguyễn Bảo P mỗi tháng là 7.500.000 đồng/cháu (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng trên một cháu); Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 04 năm 2025 cho đến khi cháu Nhật A và cháu P đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung sau ly hôn không ai được cản trở, gây khó khăn.

Khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Trần Thị Kim D có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Đức T không thực hiện nghĩa vụ trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi, của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Kim D tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tự nguyện chịu thay anh Nguyễn Đức T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004296 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị D đã nộp đủ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phúc Yên;
- UBND xã Cao Minh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (ĐKKH năm 2017);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hằng

